TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 532/2024/HC-PT
Ngày: 23/9/2024
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 267/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 6 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9291/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa:

* **Người khởi kiện***:* Bà Dương Thị X, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Anh P, Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn và Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị H - Quyền Chủ tịch UBND huyện H; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Bùi Công T - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

2. Ông Đỗ Văn H1 - Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Chu Văn S (đã chết ngày 06/4/2024);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Chu Văn S:

- Bà Dương Thị X, sinh năm 1954; Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

- Chị Chu Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh lạng S; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Chu Thị T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Chu Thị M, sinh năm 1990; đại chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Chu Văn T2, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

Chị Chu Thị L, chị Chu Thị T1, chị Chu Thị M, anh Chu Văn T2 đều ủy quyền cho bà Dương Thị X; bà X có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Chu Văn H2, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

3. Anh Chu Văn T2; sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

Người kháng cáo: Bà Dương Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện là bà Dương Thị X trình bày:

Gia đình bà có thửa đất số 240, diện tích 674,1m^2, địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (theo mảnh trích đo TĐ số 33).

Tại Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 (sau đây viết tắt là QĐ số 1772) của UBND huyện H về việc thu hồi đất để thực hiện dự án nút giao thông đường cao tốc vào khu công nghiệp H xác định loại đất bị thu hồi của gia đình bà là đất rừng sản xuất là hoàn toàn trái quy định, bởi diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà có nguồn gốc từ Nông trường H (có hợp đồng giao khoán với Nông trường Hữu Lũng ngày 04/4/1995 có thời hạn là 50 năm). Tại Hợp đồng

giao khoán nêu trên xác định loại đất giao khoán là đất trồng cây lâu năm. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 về căn cứ xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây: "3. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này". Do vậy, diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà phải được xác định là đất trồng cây lâu năm chứ không phải là đất trồng rừng sản xuất như Quyết định số 1772/QĐ-UBND đã nêu. Ngoài ra, các hộ liền kề với diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà cũng có nguồn gốc Nông trường Hữu Lũng giao khoán lại được xác định là đất trồng cây lâu năm như hộ Chu Văn T3, hộ Trần Văn L1, hộ Hoàng Văn X1.

Tại Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 (sau đây viết tắt là QĐ số 1812) của UBND huyện H đã bồi thường cho gia đình bà không đúng quy định pháp luật. Bảng tổng hợp dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình bà kèm theo Quyết định số 1812/QĐ-UBND đã xác định sai loại đất bị thu hồi dẫn đến xác định sai giá bồi thường về đất; diện tích đất gia đình bà bị thu hồi phải được xác định là đất trồng cây lâu năm nhưng tại Bảng tổng hợp dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình bà lại xác định là đất trồng rừng sản xuất với giá bồi thường 8.400 đồng/m^2. Diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà là đất trồng cây lâu năm, đơn giá bồi thường về đất phải là 42.000 đồng/m^2, số tiền gia đình bà phải được bồi thường về đất là 674,1m^2 x 42.000 đồng/m^2 = 28.312.200 đồng (hai mươi tám triệu ba trăm mười hai nghìn hai trăm đồng). UBND huyện H xác định không đúng số tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất theo đúng quy định pháp luật vì diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà là đất trồng cây lâu năm. Số tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải được tính theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh L, số tiền này gia đình bà phải được nhận là 42.000 đồng/m^2 x 3 x 674,1m^2 = 84.936.600 đồng (tám mươi bốn triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 27 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh L, gia đình bà phải được hỗ trợ là 42.000 đồng/m^2 x 674,1m^2 = 28.312.200 đồng (hai mươi tám triệu ba trăm mười hai nghìn hai trăm đồng).

Tổng số tiền gia đình bà phải được bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật: Bồi thường về đất: 28.312.200 đồng; Số tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 84.936.600 đồng; Số tiền hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất: 28.312.200 đồng; Bồi thường cây trồng, vật nuôi: 11.486.400 đồng. Tổng cộng: 153.047.400 đồng (một trăm năm mươi ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Không đồng ý với quyết định phê duyệt phương án bồi thường mà UBND huyện H đã ban hành nên bà đã làm đơn khiếu nại. Ngày 01/11/2023, Chủ tịch

UBND huyện H ban hành Quyết định số 4487/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H đối với hộ bà Dương Thị X.

Bà Dương Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về việc thu hồi đất để thực hiện dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H.

2. Buộc UBND huyện H sửa đổi một phần Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 4) phần liên quan đến hộ gia đình bà, đảm bảo việc bồi thường hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

3. Hủy Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị X trú tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu).

4. Buộc UBND huyện H ban hành quyết định thu hồi khác trong đó xác định loại đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm;

5. Buộc UBND huyện H ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường khác trong đó bồi thường cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật.

Tại các Công văn số 344/UBND-TNMT và 341/UBND-TNMT cùng ngày 23/02/2024, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H trình bày:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, căn cứ ban hành các quyết định bị kiện: Đối với Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 và Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H đã thực hiện thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H theo đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Thực hiện dự án ngày 09/6/2022, UBND huyện H ban hành Thông báo số 232/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án, theo đó hộ gia đình bà Dương Thị X (chồng là Chu Văn S) bị thu hồi diện tích đất 674,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 240, tờ trích đo số TĐ-33 loại đất trồng rừng sản xuất tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Thông báo được niêm yết công khai từ ngày 30/3/2023 đến hết ngày 19/4/2023 tại trụ sở UBND xã H, Nhà V thôn T và được giao trực tiếp cho bà Chu Thị X2 ngày 10/4/2023. Ngày 20/6/2022, UBND huyện H phối hợp với UBND xã H và các cơ quan liên quan họp triển khai công tác giải

phóng mặt bằng thực hiện dự án theo quy định. Ngày 17/8/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H tiến hành thống kê, kiểm đếm khối lượng tài sản, trên đất thể hiện có các cây bạch đàn, cây tạp. Ngày 17/3/2023, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ họp xét phương án bồi thường, kết luận diện tích đất của hộ ông Chu Văn S có nguồn gốc đất nông trường theo Quyết định số 2278/QĐ của UBND tỉnh L giao cho UBND huyện H quản lý theo quy hoạch là đất trồng rừng sản xuất, xác định loại đất bồi thường, hỗ trợ là đất rừng sản xuất. Ngày 29/3/2023, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ ban hành Thông báo số 79/TB về việc niêm yết công khai dự thảo phương án các hộ bị ảnh hưởng. Ngày 17/4/2023, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ họp đối thoại với các hộ không đồng ý về phương án, bà X2 có tham dự. Ngày 19/4/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H lập biên bản kết thúc niêm yết công khai phương án.

Ngày 15/5/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1772/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Chu Văn S để thực hiện dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H. Theo đó hộ ông Chu Văn S bị thu hồi thửa đất số 240, mảnh trích đo TĐ-33, diện tích 674,1m^2, loại đất trồng rừng sản xuất (RSX). Cùng ngày, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1812/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nút giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H (đợt 2) đối với ông Chu Văn S (vợ là Dương Thị X) *(Biểu tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ kèm theo Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 - số thứ tự 32)*, gia đình bà Dương Thị X được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 21.868.000 đồng; trong đó bồi thường cây trồng, vật nuôi là 11.486.400 đồng, hỗ trợ khác đối với diện tích đất có nguồn gốc là đất của nông trường là 10.381.140 đồng. Cả hai quyết định nêu trên được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã H, Nhà văn hóa thôn T, xã H từ ngày 17/5/2023 và được gửi cho hộ gia đình bà X ngày 18/5/2023 (bà X có ký nhận).

Đối với Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành đúng trình tự, thủ tục đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại và chương IV Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, về nội dung khiếu nại của bà Dương Thị X là không có căn cứ.

UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Chu Văn H2, ông Chu Văn S và anh Chu Văn T2: Nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị X và có văn bản ủy quyền cho bà Dương Thị X tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 157, Điều 158, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của

Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 3 Điều 11; Điều 63; Điều 69; khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18; Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của của bà Dương Thị X về việc:

1. Tuyên hủy Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về việc thu hồi đất để thực hiện dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H;

2. Buộc UBND huyện H sửa đổi một phần Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 4) phần liên quan đến hộ gia đình bà, đảm bảo việc bồi thường hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

3. Tuyên hủy Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị X trú tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu);

4. Buộc UBND huyện H ban hành quyết định thu hồi khác trong đó xác định loại đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm;

5. Buộc UBND huyện H ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường khác trong đó bồi thường cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2024, người khởi kiện là bà Dương Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Dương Thị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vắng mặt, có gửi bản luận cứ và đề nghị Hội đồng xét xử xác định diện tích đất của gia đình bà X bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm, từ đó đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X.

Người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà X là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không

xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 23/11/2023, bà Dương Thị X khởi kiện Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 về việc thu hồi đất, Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện H đối với hộ bà Dương Thị X và Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại. Các quyết định này là Quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý giải quyết và xác định còn trong thời hiệu khởi kiện là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, Điều 205 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chu Văn S chết ngày 06/4/2024 theo Trích lục khai tử số 07/TLKT ngày 09/4/2024 của UBND xã H, huyện H. Tòa án cấp phúc thẩm đã đưa những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông S gồm bà Dương Thị X, chị Chu Thị L, chị Chu Thị T1, chị Chu Thị M và anh Chu Văn T2 vào tham gia tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Chu Thị L, chị Chu Thị T1, chị Chu Thị M vắng mặt nhưng đều đã ủy quyền cho bà Dương Thị X, đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND huyện H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi liên quan ông Chu Văn H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1]. Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về việc thu hồi đất để thực hiện dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H:

- Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định: Dự án đã được HĐND tỉnh L chấp thuận tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25/11/2021 về chủ trương đầu tư dự án Nút giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H; dự án phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện H đến năm 2030 đã được UBND tỉnh L phê duyệt tại Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 29/6/2021, phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2022, 2023 của huyện H được UBND tỉnh L phê duyệt tại Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 30/12/2022. Đây là dự án giao thông, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương, do đó thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định, đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, đảm bảo về trình tự thủ tục, thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Về nội dung Quyết định: Bà Dương Thị X cho rằng Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H xác định loại đất đối với thửa đất 240, mảnh trích đo TĐ số 33, diện tích 674,1m^2 là đất trồng rừng sản xuất là không đúng mục đích sử dụng mà phải xác định là đất trồng cây lâu năm. Xét thấy:

Theo bản đồ địa chính số 48 xã H vẽ năm 1996 thì thửa đất số 240 thuộc một phần thửa đất số 94a, diện tích 50.050m^2 ghi là đồi nông trường (diện tích đo tỷ lệ 1/5000).

Sổ mục kê kèm theo bản đồ địa chính thể hiện tại quyển số 2, trang 72, thửa số 94a, loại đất LN, sổ mục kê không thể hiện tên chủ sử dụng đất. Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo tờ bản đồ đất Nông trường xã H kèm theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 về việc thu hồi đất Nông trường (đã giải thể) giao cho UBND huyện H quản lý theo quy hoạch thì thửa đất số 240, thuộc một phần thửa đất số 84, diện tích 48.930m^2, loại đất trồng rừng sản xuất (RSX). Tại thời điểm kiểm đếm trên đất có 295 cây bạch đàn đường kính gốc từ 10 – 30cm (loại cây trồng rừng lấy gỗ), 01 cây gỗ tạp đường kính gốc 08 cm. Căn cứ khoản 3 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 về căn cứ để xác định loại đất thì loại đất thể hiện theo bản đồ đất Nông trường xã H kèm theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 của UBND tỉnh L là đất trồng rừng sản xuất (RSX). Do đó, UBND huyện H xác định loại đất để bồi thường đối với thửa đất số 240 là đất trồng rừng sản xuất là có căn cứ. Việc bà X cho rằng các hộ liền kề với diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà cũng có nguồn gốc đất Nông trường H giao khoán nhưng lại được xác định là đất trồng cây lâu năm như các hộ ông Chu Văn T3, Trần Văn L1, Hoàng Văn X1 nhưng ngoài lời trình bày bà X cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định đối với các hộ gia đình trên khi thu hồi đất UBND huyện H xác định là đất trồng cây lâu năm thuộc khu vực đồi khác thuộc quả đồi số 13; còn đất của bà X bị thu hồi thuộc quả đồi số 17, đây là 02 quả đồi khác nhau và cách nhau 01 rạch ruộng. Mặt khác, bà X cho rằng hợp đồng giao khoán của gia đình bà với nông trường xác định là đất trồng cây lâu năm; tuy nhiên, nội dung hợp đồng không xác định loại đất như bà trình bày.

[2.2]. Xét yêu cầu của người khởi kiện buộc UBND huyện H sửa đổi một phần Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 4) phần liên quan đến hộ gia đình bà X:

- Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định: Sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, cùng ngày 15/5/2023 UBND huyện H ban hành Quyết định số 1812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ; theo đó hộ bà X bị thu hồi diện tích 674,1m^2 đất rừng sản xuất và được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 21.868.000 đồng, trong đó bồi thường về cây là 11.486.400 đồng, hỗ trợ khác đối với diện tích đất có nguồn gốc của nông trường là 5.662.440 đồng; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 4.718.700 đồng. Quyết định trên được họp phổ biến đến các hộ bị ảnh hưởng và niêm yết công khai tại các địa điểm Nhà văn hóa thôn T, UBND xã H và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H theo quy định. Do đó, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà X là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

- Về nội dung quyết định: Bà Dương Thị X cho rằng Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về việc thu hồi đất xác định sai loại đất nên dẫn đến Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình bà là không đúng, bà X yêu cầu bồi thường, hỗ trợ theo loại đất trồng cây lâu năm với đơn giá 42.000 đồng/m^2.

Xét thấy: Để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng đối với đất có nguồn gốc của Nông trường H (đã giải thể) được giao cho UBND huyện quản lý; các hộ cá nhân đang trực tiếp quản lý sử dụng nhưng không được bồi thường về đất. Do đó, UBND tỉnh L ban hành Thông báo số 687/TB thông báo kết luận của lãnh đạo UBND tỉnh L đồng ý hỗ trợ khác cho các hộ đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp và giá trị bằng tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp theo cơ chế chính sách hiện hành. Theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh L phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H thì đơn giá đất rừng sản xuất là 8.400 đồng/m^2. Do đó, hộ gia đình bà X được hỗ trợ khác về đất có nguồn gốc của Nông trường với số tiền 5.662.440 đồng là có cơ sở.

Về hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Tại Điều 14 Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh L quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 47/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thì ngoài việc bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ bằng tiền từ 1 đến 3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại quy định trong bảng giá đất của UBND tỉnh, đối với đất rừng sản xuất bị thu hồi tại các xã thuộc huyện được hỗ trợ bằng 01 lần giá đất rừng sản xuất. Theo bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh L thì giá đất rừng sản xuất tại xã H, huyện H là 7.000 đồng/m^2. Do đó, hộ bà X được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 4.718.700 đồng là có căn cứ.

Về hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất: Tại Quyết định số 1772/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại thửa đất số 240, tờ trích đo số TĐ-33 là đất rừng sản xuất, không phải đất sản xuất nông nghiệp. Tại điểm c khoản 1 Điều 17 ban hành kèm theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh L quy định: "... *Hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất: Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và sống bằng nguồn thu nhập ổn định từ đất nông nghiệp bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản), ngoài việc được bồi thường, hỗ trợ về đất còn được hỗ trợ bằng tiền từ 1 đến 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại quy định trong bảng giá đất của tỉnh, cụ thể như sau: c) Đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi tại các xã thuộc các huyện: Mức hỗ trợ bằng 1 lần giá đất nông nghiệp".* Như vậy, diện tích đất hộ bà Dương Thị X bị thu hồi là đất rừng sản xuất, không phải là đất nông nghiệp nên UBND huyện H không hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất là đúng quy định.

- Đối với nội dung bà X yêu cầu tính giá cây bạch đàn đường kính gốc 10cm - 20cm theo đơn giá 66.000 đồng/cây.

Tại Biên bản thống kê kiểm đếm xác định trên diện tích đất bị thu hồi có 10 cây bạch đàn đường kính 20cm - 30cm, 285 cây bạch đàn đường kính 10cm - 20cm, 01 cây gỗ tạp đường kính 08 cm; bà Dương Thị X nhất trí với kết quả kiểm kê cây cối, hoa màu và không có ý kiến thắc mắc. Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh L quy định về đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác, bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn thì UBND huyện H xác định số cây nằm trong mật độ quy định được bồi thường 100% đơn giá bồi thường, bằng 30% giá trị đơn giá loại cây trồng nằm ngoài mật độ là đảm bảo theo quy định. Do đó, bà X đề nghị tính 100% đơn giá là không có cơ sở và số tiền hộ nhà bà Dương Thị X được nhận là đảm bảo.

[2.3]. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Dương Thị X.

Xét thấy: Ngày 08/8/2023, bà X có đơn khiếu nại Quyết định số 1812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường. Ngày 29/8/2023, UBND huyện H thông báo về việc thụ lý đơn. Sau khi xác minh nội dung Khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện H đã tổ chức đối thoại theo quy định Điều 30 Luật khiếu nại. Ngày 01/11/2023, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 4487/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 18; Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật Khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại. Quyết định của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại đã giữ nguyên Quyết định số 1812/QĐ-UBND của UBND huyện H là có cơ sở. Do đó, bà X yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 4487/QĐ ngày 01/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Từ các phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị X về việc: Hủy Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H; Buộc UBND huyện H sửa đổi một phần Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H phần liên quan đến hộ gia đình bà, đảm bảo việc bồi thường hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà theo quy định của pháp luật; hủy Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H; Buộc UBND huyện Hữu Lũng ban hành quyết định thu hồi khác trong đó xác định loại đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm; Buộc UBND huyện H ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường khác trong đó bồi thường cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp được tài liệu mới chứng minh cho quan điểm của mình nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Dương Thị X phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà X là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà X.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Thị X; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí: Bà Dương Thị X được miễn án phí phúc thẩm hành chính.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Hải